

Số: **32** /2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **07** tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ "Phát triển sản xuất giống" theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ khoản 1, Điều 6, Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

Xét các Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án Phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 280/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tính từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực thi hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung ương và địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế được cấp thông qua chương trình, dự án hoặc dự toán thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân cấp phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Nguồn đối ứng do tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình, dự án phát triển, sản xuất giống đảm bảo.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

Ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí theo phân cấp hiện hành để thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn, trong đó:

1. Ngân sách Nhà nước ưu tiên kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực của tỉnh theo văn bản quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Dự án phát triển sản xuất giống được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giống sử dụng trong dự án phải là giống được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Dự án phát triển sản xuất giống chưa nhận bất kỳ hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách Nhà nước.

4. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo tiến độ thực hiện của dự án tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực đối ứng theo cam kết của đơn vị và trong phạm vi dự toán ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nội dung, mức chi

1. Đối với các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản chủ lực.

1.1. Ngân sách Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và quyết định phê duyệt dự án giống của cấp có thẩm quyền, gồm:

a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có hoặc còn thiếu.

b) Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện.

c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện.

d) Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có).

đ) Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

e) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ sản xuất giống.

g) Kiểm soát chất lượng giống: kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống; thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật về giống; đào tạo, tập huấn ngắn hạn về quản lý giống; tuyên truyền sử dụng giống mới, giống đúng tiêu chuẩn chất lượng.

h) Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình thực hiện phát triển sản xuất giống.

1.2. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và quyết định phê duyệt dự án giống của cấp có thẩm quyền, cụ thể như sau:

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt.

- Hỗ trợ 40% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1.

- Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng.

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ.



c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp:

- Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất giống.
- Hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô.

d) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất giống.

2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác chưa được quy định tại khoản 1 Điều này. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ theo chính sách của Chương trình này. Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Danh mục các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản được hỗ trợ

Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành Danh mục các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực và danh mục giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác để thực hiện hỗ trợ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh; đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND; UBND cấp huyện;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.



Huỳnh Thị Chiến Hòa